

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 20-5-2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh K Lít.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Công.

2. Bà Đinh Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-NHGD ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị X.

Địa chỉ: Thôn Làng R, xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hồng Thị Tràng- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn S.

Địa chỉ: Thôn Làng R, xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Huệ - Cán bộ hưu trí thị trấn Di L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày:

Chị và anh Đinh Văn S tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau đến ngày 29 tháng 10 năm 2013 chị với anh S đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc tuy có lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng đều bỏ qua cho nhau. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn mới nghiêm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, không còn tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn trên kéo dài đến nay mà không thể hàn gắn lại được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đinh Minh V, sinh ngày 14/7/2013 và cháu Đinh Thị Minh V1, sinh ngày 11/7/2017, hiện cả 02 cháu đang ở với chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con, yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 500.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Đinh Văn S nhận. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thì anh S không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến. Do đó, trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của bị đơn anh Đinh Văn S. Tòa án đã lập các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bên nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Đinh Văn S không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận cho chị Đinh Thị X được ly hôn với anh Đinh Văn S.

Giao cháu Đinh Minh V, sinh ngày 14/7/2013 và cháu Đinh Thị Minh V1, sinh ngày 11/7/2017 cho chị Đinh Thị X trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu V và cháu V1 đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật, anh Đinh Văn S đã nhận nhưng không đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc Tòa án tiến hành lập các văn bản tố tụng là phù hợp, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 175; Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn S tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đinh Văn S.

[2] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Đinh Thị X cung cấp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định quan hệ tranh chấp: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, chị Đinh Thị X và anh Đinh Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đúng quy định của pháp luật theo khoản 1 Điều 8; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị X với anh Đinh Văn S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đinh Thị X và anh Đinh Văn S kết hôn vào ngày 29/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc tuy có lúc cũng cãi nhau nhưng không nghiêm trọng. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều lần anh S đánh chị X. Mâu thuẫn vợ chồng chị cũng đã được chính quyền địa phương góp ý, khuyên bảo, giải quyết nhưng anh S vẫn không thay đổi. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị Đinh Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đinh Văn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận

cho chị Đinh Thị X được ly hôn với anh Đinh Văn S là phù hợp với khoản 1 Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Đinh Thị X và anh Đinh Văn S có 02 con chung là cháu Đinh Minh V, sinh ngày 14/7/2013 và cháu Đinh Thị Minh V1, sinh ngày 11/7/2017. Theo nguyện vọng của cháu V, khi cha mẹ ly hôn thì cháu V có nguyện vọng sống với mẹ, do anh S thường xuyên say xỉn, không quan tâm, chăm sóc các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Minh V và cháu Đinh Thị Minh V1 cho chị X trực tiếp nuôi con, chị X yêu cầu anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu V1 mỗi con một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu V và cháu V1 đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Theo ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, chị Đinh Thị X và anh Đinh Văn S đăng ký kết hôn ngày 29/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có với nhau 02 người con là cháu Đinh Minh V, sinh ngày 14/7/2013 và Đinh Thị Minh V1, sinh ngày 11/7/2017.

Đến năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều lần anh S đánh chị X. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đinh Thị X được ly hôn với anh Đinh Văn S.

Giao cháu Đinh Minh V và cháu Đinh Thị Minh V1 cho chị X trực tiếp nuôi con, chị X yêu cầu anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu V1 mỗi con một tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu V và cháu V1 đủ 18 tuổi.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Đinh Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật

Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị X được ly hôn anh Đinh Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Minh V, sinh ngày 14/7/2013 và cháu Đinh Thị Minh V1, sinh ngày 11/7/2017 cho chị Đinh Thị X trực tiếp nuôi con, buộc anh Đinh Văn S cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu V1 mỗi con một tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu V và cháu V1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể ngày tuyên án sơ thẩm.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Đinh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- UBND xã Sơn Tr;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh K Lít

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Công

Đinh Thị Giang

Đinh K Lít

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bên nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết về việc ly hôn, nuôi con.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

